

Bản án số: 20 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23-6-2020

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Tô Thị Hoa Lư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Thanh Cao.

Ông Nguyễn Phát Triển.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Cao Diễm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường xét xử, Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2020/TLST-HNGĐ, ngày 27/4/2020, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/6/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị B - Sinh năm: 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T L, xã Mong T, huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Nguyễn Thanh T - Sinh năm: 1969 (có mặt).

Địa chỉ: ấp TH, xã VT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2020, biên bản hòa giải ngày 09/6/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị B trình bày:

Vào năm 1992 Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Thanh T qua mai mối quen nhau rồi được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn, cuộc sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng về sau có nhiều điểm bất đồng cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, trong đời sống hằng ngày thường phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường hay cự cãi, từ những nguyên nhân đó dẫn

đến cuộc sống hôn nhân không đạt nay Nguyễn Thị B xin được ly hôn với Nguyễn Thanh Tuấn; Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn G, sinh ngày 12/10/1993 và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 09/9/1995. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản và nợ chung Nguyễn Thị B không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 09/6/2020 và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thanh T trình bày:

Vào năm 1992 Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thanh T do mai mối rồi được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới không có đăng ký kết hôn, cuộc sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng về sau có nhiều quan điểm bất đồng, đời sống chung không thể kéo dài hôn nhân không đạt nay Nguyễn Thanh Tn đồng ý ly hôn với Nguyễn Thị B; Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn G, sinh ngày 12/10/1993 và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 09/9/1995. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản và nợ chung Nguyễn Thanh Tuấn không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Nguyễn Thị B và Nguyễn Thanh T sống chung như vợ chồng từ năm 1992 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, pháp luật không công nhận là vợ chồng, vì đã vi phạm vào khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình có ghi:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...”.

Tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình có ghi:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa

vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này... ”.

Đôi chiếu khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình có ghi:

“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”.

[2] Về con chung: Nguyễn Thị B và Nguyễn Thanh T có 02 con chung tên Nguyễn Văn G, sinh ngày 12/10/1993 và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 09/9/1995 các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

[3] Về tài sản và nợ chung: Nguyễn Thị B và Nguyễn Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận Nguyễn Thị B và Nguyễn Thanh T là vợ chồng.

2. Về án phí sơ thẩm: Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà Nguyễn Thị B đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000169, ngày 23/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Nguyễn Thị B đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/6/2020).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh DT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Hoa Lư

